

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 61/2021/QĐ-UBND

Quảng Ngãi, ngày 04 tháng 11 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 01/2019/QĐ-UBND ngày 02 tháng 01 năm 2019 của UBND tỉnh về việc ban hành Quy chế phối hợp quản lý cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 68/2017/NĐ-CP ngày 25 tháng 5 năm 2017 của Chính phủ về quản lý, phát triển cụm công nghiệp; Nghị định số 66/2020/NĐ-CP ngày 11 tháng 6 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 68/2017/NĐ-CP ngày 25 tháng 5 năm 2017 của Chính phủ về quản lý, phát triển cụm công nghiệp;

Căn cứ Thông tư số 28/2020/TT-BCT ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định, hướng dẫn thực hiện một số nội dung của Nghị định số 68/2017/NĐ-CP ngày 25 tháng 5 năm 2017 của Chính phủ về quản lý, phát triển cụm công nghiệp và Nghị định số 66/2020/NĐ-CP ngày 11 tháng 6 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 68/2017/NĐ-CP;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Công Thương tại Tờ trình số 1955/TTr-SCT ngày 01 tháng 10 năm 2021, Công văn số 2146/SCT-QLCN ngày 25 tháng 10 năm 2021 và ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp tại Báo cáo số 193/BC-STP ngày 06 tháng 9 năm 2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế phối hợp quản lý cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi ban hành kèm theo Quyết định số 01/2019/QĐ-UBND ngày 02 tháng 01 năm 2019 của UBND tỉnh.

1. Sửa đổi tên Điều và sửa đổi khoản 1, khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 5 như sau:

a) Sửa đổi tên Điều 5 như sau:

“**Điều 5. Phương án phát triển cụm công nghiệp**”

b) Sửa đổi khoản 1, khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 5 như sau:

“1. Cơ sở xây dựng, nội dung, trình tự xây dựng, tích hợp phương án phát triển cụm công nghiệp vào quy hoạch tỉnh thực hiện theo khoản 3, khoản 4 Điều 1 Nghị định số 66/2020/NĐ-CP ngày 11 tháng 6 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 68/2017/NĐ-CP ngày 25 tháng 5 năm 2017 của Chính phủ về quản lý, phát triển cụm công nghiệp và pháp luật về quy hoạch.

2. Sở Công Thương chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành, UBND huyện, đơn vị liên quan xây dựng, hoàn thành phương án phát triển cụm công nghiệp; báo cáo UBND tỉnh.

3. Cơ quan phối hợp:

a) Sở Kế hoạch và Đầu tư tham mưu UBND tỉnh xử lý, tích hợp phương án phát triển cụm công nghiệp vào Quy hoạch tỉnh (trong đó có lấy ý kiến của Bộ Công Thương về sự phù hợp, đáp ứng nội dung, quy định đối với phương án phát triển cụm công nghiệp) theo quy định của pháp luật quy hoạch để hoàn thiện, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt”.

2. Sửa đổi tên Điều và sửa đổi khoản 1, điểm a, điểm b, điểm c khoản 2 Điều 6 như sau:

a) Sửa đổi tên Điều 6 như sau:

“Điều 6. Điều chỉnh phương án phát triển cụm công nghiệp”

b) Sửa đổi khoản 1, điểm a, điểm b, điểm c khoản 2 Điều 6 như sau:

“1. Cơ sở, nội dung, trình tự xây dựng, tích hợp điều chỉnh phương án phát triển cụm công nghiệp vào điều chỉnh quy hoạch tỉnh thực hiện theo quy định tại khoản 5, khoản 6 và khoản 7 Điều 1 Nghị định số 66/2020/NĐ-CP.

2. Trách nhiệm của các cơ quan:

a) UBND cấp huyện có văn bản đề xuất điều chỉnh phương án phát triển cụm công nghiệp trên địa bàn gửi Sở Công Thương; phối hợp xây dựng báo cáo điều chỉnh phương án phát triển cụm công nghiệp trên địa bàn.

b) Sở Công Thương có trách nhiệm hướng dẫn UBND cấp huyện các nội dung liên quan đến điều chỉnh phương án phát triển cụm công nghiệp; chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, đơn vị liên quan hoàn thành báo cáo điều chỉnh phương án phát triển cụm công nghiệp trên địa bàn theo quy định.

c) Sở Kế hoạch và Đầu tư đánh giá sự phù hợp của việc điều chỉnh phương án phát triển cụm công nghiệp với quy hoạch tỉnh; tham mưu UBND tỉnh xử lý, tích hợp điều chỉnh phương án phát triển cụm công nghiệp vào điều chỉnh Quy hoạch tỉnh (trong đó có lấy ý kiến của Bộ Công Thương về sự phù hợp, đáp ứng điều kiện, quy định đối với điều chỉnh phương án phát triển cụm công nghiệp) theo quy định của pháp luật quy hoạch để hoàn thiện, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt”.

3. Sửa đổi, bổ sung khoản 1, điểm a, điểm b, điểm c khoản 2 Điều 7 như sau:

“1. Điều kiện, hồ sơ, trình tự, nội dung thẩm định, nội dung quyết định thành lập, mở rộng cụm công nghiệp thực hiện theo quy định tại Điều 10, Điều 11, Điều 12, Điều 13, Điều 14 Nghị định số 68/2017/NĐ-CP và khoản 8 Điều 1 Nghị định số 66/2020/NĐ-CP.

2. Trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị

a) Doanh nghiệp, hợp tác xã có văn bản đề nghị làm chủ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật hoặc đơn vị được giao nhiệm vụ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật có văn bản đề nghị kèm theo Báo cáo đầu tư thành lập, mở rộng cụm công nghiệp gửi UBND cấp huyện.

b) UBND cấp huyện thông báo việc tiếp nhận, thời gian lập hồ sơ thành lập, mở rộng cụm công nghiệp trên phương tiện thông tin đại chúng của địa phương; chủ trì, phối hợp với doanh nghiệp, hợp tác xã hoặc đơn vị được giao làm chủ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp lập hồ sơ thành lập, mở rộng cụm công nghiệp và lập Tờ trình đề nghị thành lập hoặc mở rộng cụm công nghiệp đính kèm hồ sơ gửi Sở Công Thương.

c) Sở Công Thương chủ trì, phối hợp với các sở, ngành và các đơn vị có liên quan tổ chức thẩm định các nội dung của Hồ sơ thành lập, mở rộng cụm công nghiệp; tham mưu thành lập và điều phối hoạt động của Hội đồng đánh giá lựa chọn chủ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp, tổng hợp báo cáo kết quả lựa chọn chủ đầu tư, báo cáo thẩm định, trình UBND tỉnh quyết định thành lập, mở rộng cụm công nghiệp”.

4. Sửa đổi khoản 3 Điều 9 như sau:

“3. Nội dung, thủ tục lập, thẩm định, phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án thực hiện theo khoản 3 Điều 6 Thông tư số 28/2020/TT-BCT ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định, hướng dẫn thực hiện một số nội dung của Nghị định số 68/2017/NĐ-CP ngày 25 tháng 5 năm 2017 của Chính phủ về quản lý, phát triển cụm công nghiệp và Nghị định số 66/2020/NĐ-CP ngày 11 tháng 6 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 68/2017/NĐ-CP”.

5. Sửa đổi điểm b, điểm c khoản 2 Điều 15 như sau:

“b) Đối với cụm công nghiệp do đơn vị sự nghiệp làm chủ đầu tư hoặc có sử dụng vốn ngân sách nhà nước trong đầu tư hạ tầng kỹ thuật thì chủ đầu tư xây dựng hạ tầng cụm công nghiệp xây dựng phương án quản lý các dịch vụ công cộng, tiện ích gửi Sở Công Thương.

c) Sở Công Thương tổ chức lấy ý kiến của các sở ngành liên quan, UBND cấp huyện về phương án quản lý các dịch vụ công cộng, tiện ích; tổng hợp báo cáo UBND tỉnh xem xét quyết định. Sở Tài chính có trách nhiệm thẩm định giá các loại dịch vụ công cộng tiện ích, gửi Sở Công Thương tổng hợp”.

Điều 2. Bổ sung, thay thế, bỏ một số cụm từ của Quy chế phối hợp quản lý cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi ban hành kèm theo Quyết định số 01/2019/QĐ-UBND ngày 02 tháng 01 năm 2019 của UBND tỉnh.

1. Bổ sung cụm từ như sau:

a) Bổ sung cụm từ “thị xã” vào sau cụm từ “các huyện” tại khoản 1 Điều 1.

b) Bổ sung cụm từ “Nghị định số 66/2020/NĐ-CP ngày 11 tháng 6 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 68/2017/NĐ-CP ngày 25 tháng 5 năm 2017 của Chính phủ về quản lý, phát triển cụm công nghiệp” vào sau cụm từ “Nghị định số 68/2017/NĐ-CP” tại điểm a khoản 1 Điều 3.

c) Bổ sung cụm từ “khoản 11 Điều 1 Nghị định số 66/2020/NĐ-CP” vào sau cụm từ “Nghị định số 68/2017/NĐ-CP” tại khoản 2 Điều 10.

2. Thay thế cụm từ như sau:

a) Thay thế cụm từ “quy hoạch” bằng cụm từ “phương án” tại điểm a, điểm b khoản 1 Điều 4.

b) Thay thế cụm từ “quy hoạch phát triển CCN” bằng cụm từ “phương án phát triển cụm công nghiệp” tại nội dung của Điều 5, Điều 6 và điểm d khoản 2 Điều 8.

c) Thay thế cụm từ “Thông tư số 15/2017/TT-BCT ngày 31 tháng 8 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Công Thương Quy định, hướng dẫn thực hiện một số nội dung của Nghị định số 68/2017/NĐ-CP (gọi tắt là Thông tư số 15/2017/TT-BCT)” bằng cụm từ “Thông tư số 28/2020/TT-BCT” tại điểm a khoản 1 Điều 3.

d) Thay thế cụm từ “Điều 9 Thông tư số 15/2017/TT-BCT” bằng cụm từ “Điều 5 Thông tư số 28/2020/TT-BCT” tại khoản 1 Điều 8.

e) Thay thế cụm từ “Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18 tháng 6 năm 2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng và Nghị định số 42/2017/NĐ-CP ngày 05 tháng 4 năm 2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 59/2015/NĐ-CP” bằng cụm từ “Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng” tại khoản 2 Điều 9, cụm từ “Điều 10 Thông tư số 15/2017/TT-BCT” bằng cụm từ “Điều 6 Thông tư số 28/2020/TT-BCT” tại khoản 2 Điều 9, cụm từ “Nghị định số 63/2018/NĐ-CP ngày 04 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ” bằng cụm từ “Nghị định số 35/2021/NĐ-CP ngày 29 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư” tại điểm b khoản 4 Điều 9.

g) Thay thế cụm từ “Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18 tháng 6 năm 2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng và Nghị định số 42/2017/NĐ-CP ngày 05 tháng 4 năm 2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 59/2015/NĐ-CP” bằng cụm từ “Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng” tại khoản 5 Điều 13.

h) Thay thế cụm từ “Điều 16 Thông tư số 15/2017/TT-BCT” bằng cụm từ “Điều 14 Thông tư số 28/2020/TT-BCT” tại khoản 2 Điều 10.

i) Thay thế cụm từ “Điều 12 Thông tư số 15/2017/TT-BCT bằng cụm từ Điều 9 Thông tư số 28/2020/TT-BCT” tại khoản 1 Điều 18.

j) Thay thế cụm từ “Bộ Luật Lao động năm 2012” bằng cụm từ “Bộ Luật Lao động năm 2019” tại điểm a khoản 6, Điều 11.

3. Bỏ cụm từ như sau:

a) Bỏ cụm từ “Ban quản lý cụm công nghiệp cấp huyện” tại khoản 1 Điều 1.

b) Bỏ cụm từ “Ban quản lý cụm công nghiệp cấp huyện” tại khoản 2 Điều 2, điểm a khoản 2 Điều 7.

c) Bỏ cụm từ “dự án” tại điểm c khoản 3 Điều 5, cụm từ “Ban quản lý cụm công nghiệp” tại điểm a khoản 1 Điều 3, khoản 3 Điều 14, khoản 1 Điều 18.

Điều 3. Bổ sung cụm từ của Quyết định số 01/2019/QĐ-UBND ngày 02 tháng 01 năm 2019 của UBND tỉnh về việc ban hành Quy chế phối hợp quản lý cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh.

Bổ sung cụm từ “thị xã” vào sau cụm từ “các huyện” tại Điều 3.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 20 tháng 11 năm 2021. Những nội dung khác của Quy chế phối hợp quản lý cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi ban hành kèm theo Quyết định số 01/2019/QĐ-UBND ngày 02 tháng 01 năm 2019 của UBND tỉnh không sửa đổi, bổ sung tại Quyết định này vẫn giữ nguyên hiệu lực thi hành.

Điều 5. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Công Thương, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Xây dựng, Tài nguyên và Môi trường, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã và thành phố; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH
(Đã ký)
Đặng Văn Minh